**PHỤ LỤC III**

MẪU HỒ SƠ YÊU CẦU CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 1/2023/TT-BGTVT ngày 07 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**HỒ SƠ YÊU CẦU CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

**Tên dự án: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*[ghi tên dự án theo danh mục dự án đã được phê duyệt]*

**Phát hành ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư cho nhà đầu tư]*

**Ban hành kèm theo Quyết định: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư]*

**MỤC LỤC**

**MÔ TẢ TÓM TẮT**

**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

**PHẦN 1. THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương II. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư

Chương III. Biểu mẫu

**PHẦN 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

**MÔ TẢ TÓM TẮT**

**PHẦN 1. THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

**Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư**

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư, đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư và trao hợp đồng.

**Chương II. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư**

Chương này quy định phương pháp, tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

**Chương III. Biểu mẫu**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

**PHẦN 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Phần này gồm các nội dung của dự thảo hợp đồng và biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| CDNĐT | Chỉ dẫn nhà đầu tư |
| HSĐXCTNĐT | Hồ sơ đề xuất\_chấp thuận nhà đầu tư |
| HSYCCTNĐT | Hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư |
| Luật Đấu thầu | Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 |
| Nghị định số 25/2020/NĐ-CP | Nghị định số [25/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-25-2020-nd-cp-huong-dan-luat-dau-thau-lua-chon-nha-dau-tu-347400.aspx) ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư |
| Nghị định số 31/2021/NĐ-CP | Nghị định số [31/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-31-2021-nd-cp-huong-dan-luat-dau-tu-462291.aspx) ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư |

**PHẦN 1. THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

**CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ**

**Mục 1. Thông tin dự án; yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án**

Cơ quan quản lý đường bộ mời nhà đầu tư nhận HSYCCTNĐT dự án bao gồm các nội dung như sau:

**I. Thông tin dự án:**

- Tên dự án.

- Mục tiêu đầu tư.

- Quy mô đầu tư.

- Địa điểm thực hiện.

- Thời hạn, tiến độ đầu tư.

- Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất).

- Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng.

- Diện tích, hiện trạng khu đất.

- Các chỉ tiêu quy hoạch.

- Các nội dung khác (nếu có).

**II. Yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án**

- Các yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; yêu cầu bảo đảm chất lượng công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.

- Yêu cầu về kỹ thuật bảo đảm đáp ứng mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư.

- Yêu cầu bố trí đủ vốn để thực hiện dự án.

- Yêu cầu về tiến độ thực hiện dự án (bao gồm các nội dung về thời gian xây dựng công trình và thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

- Yêu cầu về đáp ứng điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ (nếu có) theo quy định của pháp luật về đường bộ (bao gồm các điều kiện về bộ máy tổ chức; điều kiện về đội ngũ nhân viên; điều kiện về hạ tầng và thiết bị chuyên ngành; điều kiện về vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ tại tuyến quốc lộ và cao tốc).

- Yêu cầu về vận hành, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án.

- Các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường.

- Các yêu cầu về kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật.

- Các yêu cầu về đảm bảo an ninh, an toàn.

- Các yêu cầu về trách nhiệm phối hợp với Cơ quan có thẩm quyền trong quá trình cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ của nhà đầu tư.

- Các yêu cầu khác liên quan đến ngành, lĩnh vực của dự án cũng như điều kiện cụ thể của dự án.

**Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư**

Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

2.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

2.2. Hạch toán tài chính độc lập.

2.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

2.4. Nhà đầu tư tham dự thầu độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu tư vấn, Bộ Giao thông vận tải, Cơ quan quản lý đường bộ theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Luật Đấu thầu và khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2.5. Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và được phê duyệt.

2.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

**Mục 3. Làm rõ, sửa đổi HSYCCTNĐT**

3.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSYCCTNĐT, nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Cơ quan quản lý đường bộ tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp HSĐXCTNĐT. Cơ quan quản lý đường bộ phải làm rõ HSYCCTNĐT khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên.

3.2. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYCCTNĐT thì Cơ quan quản lý đường bộ phải tiến hành sửa đổi HSYCCTNĐT. Văn bản sửa đổi HSYCCTNĐT, bao gồm cả quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSYCCTNĐT được gửi cho nhà đầu tư.

**Mục 4. Khảo sát hiện trường**

4.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng Cơ quan quản lý đường bộ không phải chịu bất kì trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan quản lý đường bộ sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường.

4.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho Cơ quan quản lý đường bộ về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.

**Mục 5. Ngôn ngữ của HSĐXCTNĐT**

HSĐXCTNĐT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐXCTNĐT trao đổi giữa nhà đầu tư với Cơ quan quản lý đường bộ được viết bằng: \_\_\_\_\_\_*[Trường hợp HSYCCTNĐT được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; HSYCCTNĐT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSĐXCTNĐT căn cứ vào nội dung của bản HSYCCTNĐT bằng tiếng Anh”.*

**Mục 6. Thành phần của HSĐXCTNĐT**

HSĐXCTNĐT do nhà đầu tư chuẩn bị phải bao gồm:

6.1. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư quy định tại Mục 7.1 CDNĐT.

6.2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh quy định tại Mục 7.3 CDNĐT.

6.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT.

6.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 8 CDNĐT.

6.5. Đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 9 CDNĐT.

6.6. Đề xuất về tài chính - thương mại và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

**Mục 7. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư**

7.1. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu.

7.2. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải được được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền.

Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương III) phải được gửi cho Cơ quan quản lý đường bộ cùng với đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

7.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT.

**Mục 8. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư**

8.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:

Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương III - Biểu mẫu.

8.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Chương III - Biểu mẫu.

**Mục 9. Thành phần đề xuất về kỹ thuật**

Thành phần đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư bao gồm:

9.1. Đề xuất về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án.

9.2. Đề xuất về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ.

**Mục 10. Đề xuất thay thế phương án thực hiện dự án**

10.1. Nhà đầu tư được đề xuất thay thế phương án thực hiện dự án.

10.2. Nhà đầu tư phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Cơ quan quản lý đường bộ có thể đánh giá phương án thực hiện dự án.

**Mục 11. Thành phần đề xuất về tài chính - thương mại**

11.1. Nhà đầu tư phải nộp đề xuất về tài chính - thương mại gồm Bảng tổng hợp chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối theo quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

11.2. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSYCCTNĐT trên cơ sở tổng chi phí thực hiện dự án, tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án và phần nộp ngân sách nhà nước do mình đề xuất.

11.3. Trường hợp nhà đầu tư đề xuất tăng phần nộp ngân sách nhà nước thì có thể ghi trực tiếp trong đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư. Trong trường hợp này, nhà đầu tư phải nêu rõ nội dung và cách thức tăng phần nộp ngân sách nhà nước kèm theo đề xuất về tài chính - thương mại tương ứng.

**Mục 12. Đồng tiền dự thầu**

Đồng tiền dự thầu là: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*[Căn cứ theo yêu cầu của dự án mà quy định việc cho phép và điều kiện áp dụng để nhà đầu tư chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau nhưng không quá ba đồng tiền, ví dụ: VND, USD, EUR. Trường hợp trong số các đồng tiền đó có VND thì phải quy đổi về VND. Trường hợp cho phép chào bằng ngoại tệ thì phải yêu cầu nhà đầu tư chứng minh được nội dung công việc sử dụng ngoại tệ và sơ bộ giá trị ngoại tệ tương ứng; các loại chi phí trong nước phải được chào bằng VND, các chi phí nước ngoài, liên quan đến dự án thì được chào bằng đồng tiền nước ngoài].*

**Mục 13. Thời gian có hiệu lực của HSĐXCTNĐT**

13.1. Thời gian có hiệu lực của HSĐXCTNĐT là ........... ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSĐXCTNĐT.

13.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐXCTNĐT, Cơ quan quản lý đường bộ đề nghị nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSĐXCTNĐT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐXCTNĐT.

**Mục 14. Quy cách HSĐXCTNĐT và chữ ký trong HSĐXCTNĐT**

14.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSĐXCTNĐT bao gồm: 01 bản gốc HSĐXCTNĐT và 05 bản chụp, HSĐXCTNĐT. Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSĐXCTNĐT thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSĐXCTNĐT.

14.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

14.3. Bản gốc của HSĐXCTNĐT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư, các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐXCTNĐT (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương III - Biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có). Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì HSĐXCTNĐT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm tại thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

14.4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

**Mục 15. Thời hạn nộp HSĐXCTNĐT**

Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSĐXCTNĐT đến Cơ quan quản lý đường bộ trước ngày *[ghi thời điểm hết hạn nộp HSĐXCTNĐT]*theo địa chỉ nêu trong hồ sơ mời thầu của Cơ quan quản lý đường bộ

**Mục 16. Đánh giá HSĐXCTNĐT và thương thảo về các đề xuất của nhà đầu tư**

16.1. Đánh giá HSĐXCTNĐT theo quy trình, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương II - Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá HSĐXCTNĐT.

16.2. Trong quá trình đánh giá HSĐXCTNĐT, Cơ quan quản lý đường bộ được mời nhà đầu tư đến giải thích, làm rõ, sửa đổi, bổ sung các thông tin cần thiết của HSĐXCTNĐT và thương thảo về các đề xuất của nhà đầu tư nhằm chứng minh sự đáp ứng yêu cầu của HSYCCTNĐT về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện và các nội dung cần thiết khác.

16.3. Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính - thương mại của nhà đầu tư, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

**Mục 17. Điều kiện chấp thuận nhà đầu tư**

Nhà đầu tư được đề nghị chấp thuận khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

17.1. Có HSĐXCTNĐT hợp lệ.

17.2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm.

17.3. Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

17.4. Đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại.

**Mục 18. Công khai kết quả chấp thuận nhà đầu tư**

18.1. Sau khi có kết quả chấp thuận nhà đầu tư được phê duyệt, Cơ quan quản lý đường bộ đăng tải thông tin về kết quả chấp thuận nhà đầu tư lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi văn bản thông báo chấp thuận nhà đầu tư đến nhà đầu tư. Văn bản thông báo chấp thuận nhà đầu tư phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên dự án; mục tiêu, quy mô của dự án.

b) Tên nhà đầu tư chấp thuận.

c) Tiến độ thực hiện dự án.

d) Địa điểm thực hiện dự án, diện tích, thời hạn thuê đất.

đ) Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

e) Tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất).

g) Tổng số tiền đề xuất nộp ngân sách nhà nước của nhà đầu tư.

h) Các nội dung khác (nếu có).

18.2. Đồng thời với văn bản thông báo chấp thuận lựa chọn nhà đầu tư, Cơ quan quản lý đường bộ gửi dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng đến nhà đầu tư được chấp thuận.

**Điều 19. Điều kiện ký kết hợp đồng**

19.1. Tại thời điểm ký kết, HSĐXCTNĐT của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực.

19.2. Tại thời điểm ký kết, nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án. Trường hợp thực tế nhà đầu tư không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYCCTNĐT thì cơ quan có thẩm quyền sẽ không tiến hành ký kết hợp đồng với nhà đầu tư. Khi đó, cơ quan có thẩm quyền sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả chấp thuận nhà đầu tư.

**Mục 20. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

20.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo một trong các hình thức: đặt cọc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

20.2. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày nhà đầu tư hoàn thành nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng dự án \_\_\_\_\_\_ [ghi *cụ thể số ngày]*

20.3. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_\_\_\_*[ghi giá trị và đồng tiền cụ thể, bảo đảm giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 1-3% tổng chi phí thực hiện dự án]*

20.4. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng được lập theo Mẫu số 12 Phần 2 - Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của HSYCCTNĐT.

20.5. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_\_\_\_ *[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư ngay sau khi hoặc không chậm hơn ngày kể từ khi công trình được hoàn thành và nghiệm thu].*

20.6. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực.

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

**Mục 21. Triển khai thực hiện hợp đồng**

Sau khi hợp đồng được ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án), Đơn vị được giao quản lý đường bộ nơi thực hiện dự án, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) phối hợp với cơ quan quản lý đất đai của địa phương trình Ủy ban nhân dân có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Căn cứ tiến độ thỏa thuận tại hợp đồng, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) nộp giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M2) và giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền (M3) được đề xuất trong hồ sơ dự thầu cho Kho bạc nhà nước trung ương. Không tính lãi vay đối với chi phí (M2)

**CHƯƠNG II. PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐXCTNĐT**

**Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ HSĐXCTNĐT**

***1.1. Kiểm tra HSĐXCTNĐT***

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐXCTNĐT.

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐXCTNĐT theo quy định tại Mục 6 CDNĐT.

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐXCTNĐT.

***1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSĐXCTNĐT***

HSĐXCTNĐT của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐXCTNĐT.

b) Có đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo quy định của HSYCCTNĐT. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

c) Thời hạn hiệu lực của HSĐXCTNĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 13 CDNĐT.

d) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu.

đ) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 8 CDNĐT.

e) Phần nộp ngân sách nhà nước ghi trong đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ, không đề xuất các giá trị khác nhau đối với cùng một nội dung hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu.

**Mục 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

***2.1. Phương pháp đánh giá***

a) Căn cứ quy mô, tính chất dự án để sử dụng một trong các phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư như sau:

- Phương pháp chấm điểm.

- Phương pháp sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.

- Phương pháp kết hợp giữa chấm điểm và sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.

b) Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm, mức điểm tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu không được thấp hơn 80% tổng số điểm năng lực, kinh nghiệm và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn 70% điểm tối đa của nội dung đó.

***2.2. Tiêu chuẩn đánh giá***

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng 1 dưới đây:

**BẢNG 1: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chuẩn đánh giá** | **Yêu cầu** |  |
| ***I*** | ***Năng lực tài chính của nhà đầu tư(1)*** |  |  |
| 1 | Vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư thu xếp cho dự án | Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp (2): *[ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 30%-50% tổng chi phí thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét. Trong đó, tổng chi phí thực hiện dự án được xác định bằng tổng giá trị m1 và m2].*  Trường hợp liên danh, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.  Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh. |  |
|  |
|  |
| 2 | Khả năng thu xếp vốn vay | Vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu: \_\_\_\_\_*[ghi vốn vay tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Vốn vay tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 50%-70% tổng chi phí thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét. Trong đó, tổng chi phí thực hiện dự án được xác định bằng tổng giá trị m1 và m2].*  Trường hợp liên danh, tiêu chí này được đánh giá theo tổng giá trị vốn vay các thành viên liên danh có khả năng thu xếp. |  |
| ***II*** | ***Kinh nghiệm kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ của nhà đầu tư*** | Nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh đã kinh doanh hoặc khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ thuộc dự án đang xét đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:  - Đã được cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ (nếu có) phù hợp với nội dung đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cấp ít nhất tại \_\_\_\_\_\_ tuyến quốc lộ và cao tốc *[ghi số tuyến quốc lộ và cao tốc tùy theo quy mô, tính chất dự án đang xét].*  - Đã khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ thuộc dự án đang xét tối thiểu\_\_\_\_ năm *[ghi số năm hoạt động khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ tùy theo quy mô, tính chất dự án đang xét].*  *(Tùy theo quy mô, tính chất dự án để quy định một trong hai điều kiện trên)* |  |
| ***III*** | ***Điều kiện về vốn đối với nhà đầu tư nước ngoài cung cấp dịch vụ đường bộ***  Tuân thủ theo các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định có liên quan các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. | |  |

*Ghi chú:*

*(1) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận,...*

*Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, năng lực tài chính của nhà đầu tư được đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối đa 28 ngày.*

*(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 tại Chương III.*

*Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư = Tổng vốn chủ sở hữu - Chi phí liên quan đến kiện tụng - Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có) - Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định (Vốn chủ sở hữu dùng riêng cho phân bổ hoặc theo yêu cầu pháp lý quy định với Nhà đầu tư; Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo yêu cầu dự phòng đặc biệt cho các trường hợp có thể xảy ra; Vốn chủ sở hữu khác được cam kết sẽ hoàn lại và không dùng cho tuyên bố cổ tức,...).*

**Mục 3. Đánh giá về kỹ thuật**

***3.1. Phương pháp đánh giá***

Sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết. Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật phải quy định mức điểm tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu nhưng không được thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật và điểm của từng nội dung yêu cầu về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án; về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ không thấp hơn 60% điểm tối đa của nội dung đó tùy thuộc vào quy mô, tính chất của từng dự án cụ thể.

***3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật***

*Căn cứ quy mô, tính chất và lĩnh vực của dự án, bên mời thầu quy định cụ thể các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư thuyết minh về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án; thuyết minh về phương thức tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ để đánh giá sự phù hợp, khả thi đề xuất của nhà đầu tư đối với các nội dung sau đây:*

**BẢNG 2: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Thang điểm chi tiết** | **Điểm yêu cầu tối** **thiểu** |
| **I** | **Đánh giá đề xuất của nhà đầu tư về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án** |  |  |  |
| 1 | Chứng minh sự hiểu biết về hiện trạng; dự báo tăng trưởng sản lượng; mục tiêu của dự án theo quy hoạch được duyệt |  |  |  |
| 2 | Quy mô dự án, phương án thiết kế |  |  |  |
| 3 | Phương án kỹ thuật, công nghệ của dự án |  |  |  |
| 4 | Kế hoạch, tiến độ thực hiện dự án, thời gian xây dựng |  |  |  |
| 5 | Phương án giảm thiểu tác động môi trường |  |  |  |
| 6 | Đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư phải có phương án phối hợp với Đơn vị được giao quản lý đường bộ nơi thực hiện dự án để làm việc với Ủy ban nhân dân có thẩm quyền hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và để Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất xây dựng dự án cho Đơn vị được giao quản lý đường bộ. |  |  |  |
| 7 | Phương án kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, môi trường) của dự án với hạ tầng chung của tuyến quốc lộ và cao tốc; lập phương án kiến trúc và bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án bằng kinh phí của nhà đầu tư. |  |  |  |
| 8 | Phương án về phòng cháy, chữa cháy; an ninh, an toàn; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ theo quy định |  |  |  |
| 9 | Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư |  |  |  |
| **II** | **Đánh giá đề xuất của nhà đầu tư về phương án tổ chức vận hành, quản lý và** **cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ** |  |  |  |
| 1 | Phương án bảo đảm đáp ứng các các điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ (nếu có) chuyên ngành đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ (bao gồm các điều kiện về bộ máy tổ chức; điều kiện về đội ngũ nhân viên; điều kiện về hạ tầng và thiết bị chuyên ngành; điều kiện về vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ tại tuyến quốc lộ và cao tốc và các hồ sơ, tài liệu, hợp đồng chứng minh đáp ứng các điều kiện đó). |  |  |  |
| 2 | Phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ của nhà đầu tư đáp ứng mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển tuyến quốc lộ và cao tốc. |  |  |  |
| 3 | Phương án phối hợp với Cơ quan có thẩm quyền trong quá trình cung cấp dịch vụ đường bộ của nhà đầu tư, bảo đảm an ninh, an toàn |  |  |  |
| 4 | Phương án giám sát để bảo đảm cung cấp dịch vụ đường bộ ổn định, liên tục, đạt chất lượng |  |  |  |
|  | **Tổng cộng (100%)** |  |  |  |

*Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn về kỹ thuật khác phù hợp với tính chất, lĩnh vực, đặc điểm dự án cụ thể.*

**Mục 4. Đánh giá về tài chính - thương mại**

Nhà đầu tư có đề xuất tổng chi phí thực hiện dự án (M1) không thấp hơn m1 (M1 ≥ m1), giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M2) không thấp hơn m2 (M2 ≥ m2) đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng, M2=m2 đối với dự án đã giải phóng mặt bằng, giá trị đóng góp không điều kiện cho ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M3) cao nhất, được xếp thứ nhất và được xem xét đề nghị trúng thầu. Trong đó:

5.1. m1 là sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án đã được phê duyệt trong danh mục dự án

5.2. m2 là sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phần diện tích đất cần hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

5.3. m3 là giá sàn nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

5.4. M1 là tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) do nhà đầu tư đề xuất trong HSĐXCTNĐT. Phương án thực hiện dự án do nhà đầu tư xây dựng trên cơ sở phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án tại HS YCCTNĐT.

5.5. M2 là giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do nhà đầu tư đề xuất trong HSĐXCTNĐT căn cứ nội dung m2 được xác định trong HSYCCTNĐT.

5.6. M3 là giá trị đóng góp không điều kiện cho ngân sách nhà nước bằng tiền do nhà đầu tư đề xuất trong HSĐXCTNĐT ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình triển khai dự án, nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm thực hiện theo đúng phương án đã đề xuất, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của Hồ sơ mời thầu. Chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở quá trình triển khai thực tế nhưng phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án.

**CHƯƠNG III. BIỂU MẪU**

1. Mẫu số 01: Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư

2. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền

3. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh

4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư

5. Mẫu số 05: Các đối tác cùng thực hiện dự án

6. Mẫu số 06: Năng lực tài chính của nhà đầu tư

7. Mẫu số 07: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư

8. Mẫu số 08: Kinh nghiệm kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ của nhà đầu tư

9. Mẫu số 09: Đề xuất về kỹ thuật

10. Mẫu số 10: Bảng tổng hợp chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án chưa giải phóng mặt bằng